

Số: 529/QĐ-NHN-HSX

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cho vay về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ trong hệ thống Agribank

TỔNG GIÁM ĐỐC AGRIBANK

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank Ban hành kèm theo Quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/4/2012 của Hội đồng thành viên;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên kỳ họp lần thứ bảy năm 2014 ngày 27 tháng 5 năm 2014.

QUYẾT ĐỊNH:

Ban hành Quy định cho vay về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ trong hệ thống Agribank.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này hướng dẫn việc Agribank cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân vay vốn theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg).

2. Quy định này áp dụng đối với các hợp đồng vay vốn tại Agribank nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp được ký trước ngày 31/12/2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Agribank nơi cho vay bao gồm: Sở giao dịch, Chi nhánh loại I, loại II, loại III, Phòng giao dịch được phép cho vay đối với khách hàng.

2. Đối tượng hỗ trợ là các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân được quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

Điều 3. Nguyên tắc cho vay

1. Cho vay nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp được thực hiện theo quy định về cho vay của Agribank đối với khách hàng, quy định này và quy định cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

2. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Điều kiện vay vốn

1. Thực hiện theo quy định về cho vay của Agribank đối với khách hàng.

2. Các đối tượng vay vốn bằng đồng Việt Nam mua máy, thiết bị nằm trong danh mục chủng loại máy, thiết bị sản xuất trong nước, nhập khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố và đầu tư các dự án máy, thiết bị (bao gồm cả nhà xưởng) được thẩm định theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

3. Đối với các khoản vay để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp:

a) Các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đối tượng trực tiếp sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng đánh bắt, chế biến nông sản, thủy sản; dịch vụ cơ giới nông nghiệp;

b) Các doanh nghiệp có ký kết thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, dịch vụ cơ giới hóa với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc nông dân;

c) Các loại máy, thiết bị được mua theo quy định trong danh mục chủng loại máy, thiết bị sản xuất trong nước, nhập khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố phải là máy, thiết bị mới, chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Đối với các khoản vay thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp:

a) Các tổ chức, cá nhân phải có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các dự án đầu tư chưa được hưởng hỗ trợ từ các chính sách khác.

Điều 5. Lãi suất và mức cho vay

1. Lãi suất:

a) Agribank cho vay theo mức lãi suất cho vay thấp nhất áp dụng cho các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ;

b) Đối với các khoản vay để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp: Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba;

c) Đối với các khoản vay thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp: Hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất cho vay đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;



d) Việc hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất chỉ áp dụng đối với các khoản vay khách hàng trả nợ đúng hạn. Những khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn sẽ không được hưởng hỗ trợ kể từ thời điểm phát sinh nợ xấu;

đ) Việc hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất đối với khách hàng được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính và hướng dẫn của Tổng giám đốc Agribank.

2. Mức cho vay:

a) Mức cho vay tối đa để mua các loại máy, thiết bị quy định theo danh mục chủng loại máy, thiết bị sản xuất trong nước, nhập khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố bằng 100% giá trị hàng hóa;

b) Đối với các khoản vay thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp: Mức cho vay tối đa bằng 70% giá trị của dự án.

Điều 6. Thời hạn cho vay

a) Đối với các khoản vay để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp: Thời hạn cho vay là các khoản cho vay ngắn, trung, dài hạn do Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận;

b) Đối với các khoản vay thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp: Thời hạn cho vay là các khoản cho vay dài hạn, trung hạn do Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận, phù hợp với khả năng thu hồi vốn của dự án, nhưng tối đa không quá 12 năm.

Điều 7. Nguồn vốn, dư nợ cho vay, bộ hồ sơ cho vay

1. Nguồn vốn, dư nợ cho vay:

Agribank nơi cho vay cân đối trong chỉ tiêu kế hoạch được Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc thông báo.

2. Bộ hồ sơ cho vay:

a) Ngoài bộ hồ sơ cho vay theo quy định hiện hành, tùy theo từng khoản vay theo quy định này cần bổ sung một trong các tài liệu sau:

- Xác nhận của UBND cấp xã (trên giấy đề nghị vay vốn) theo điểm a khoản 3 điều 4 Quy định này;

- Hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, dịch vụ cơ giới hóa theo điểm b khoản 3 điều 4 quy định này;

- Tài liệu xác nhận loại máy móc thiết bị thuộc danh mục được hỗ trợ;

- Tài liệu chứng minh dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị sản xuất trong nông nghiệp được thẩm định theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

- Tài liệu chứng minh dự án đầu tư chưa được hỗ trợ từ các chính sách khác.

b) Bộ hồ sơ cho vay được lưu giữ riêng. Trên bộ hồ sơ được đóng dấu "Cho vay theo QĐ 68".

Điều 8. Chế độ báo cáo

a) Định kỳ hàng tháng (trước ngày 05 của tháng tiếp theo), Sở giao dịch, Agribank chi nhánh loại I, loại II báo cáo về Trụ sở chính (Ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân) kết quả thực hiện việc cho vay theo Mẫu biểu đính kèm Quy định này;

b) Định kỳ hằng tháng (trước ngày 10 của tháng tiếp theo) Agribank báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế), Bộ Tài chính kết quả thực hiện cho vay theo Quy định này.

Chương III

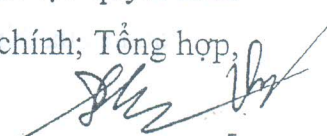
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Agribank

1. Tại Trụ sở chính:

a) Ban Kế hoạch nguồn vốn đầu mối, phối hợp với Ban Tiếp thị và Truyền thông, thông báo mức lãi suất cho vay thấp nhất áp dụng cho các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ làm cơ sở để Agribank nơi cho vay thực hiện và ngân sách nhà nước hỗ trợ hay cấp bù chênh lệch lãi suất; phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin kịp thời điều chỉnh lãi suất trên chương trình hỗ trợ tự động trên hệ thống IPCAS, đảm bảo hạch toán hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay đầy đủ, kịp thời, chính xác.

b) Ban Tài chính kế toán và ngân quỹ đầu mối, phối hợp với các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục quyết toán cấp bù lãi suất, chênh lệch lãi suất theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; Tổng hợp,



quyết toán hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất theo Quy định này với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước.

c) Ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân đầu mối, phối hợp với Ban Khách hàng Doanh nghiệp và các ban liên quan tham mưu đề xuất trong việc tổ chức triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này.

d) Trung tâm công nghệ thông tin xây dựng phần mềm tin học về báo cáo kết quả thực hiện việc cho vay theo quy định tại điểm a điều 8.

2. Tại Agribank nơi cho vay:

a) Thực hiện công bố công khai đối tượng, điều kiện cho vay, thủ tục vay vốn hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; thực hiện đúng quy định của pháp luật, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và Quy định này về chính sách cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

b) Có trách nhiệm xem xét, thẩm định và quyết định cho vay đối với khách hàng theo quy định và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình;

c) Thực hiện quy định về bảo đảm tiền vay, thẩm quyền quyết định cho vay, quy trình xét duyệt cho vay, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro... theo quy định hiện hành của Agribank, pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/5/2014 thay thế Quyết định số 1530/QĐ-HĐTV-TDDN ngày 10/8/2012 của Hội đồng thành viên Agribank về ban hành Quy định cho vay nhằm hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ trong hệ thống Agribank; mọi sửa đổi, bổ sung Quyết định này do Tổng giám đốc Agribank quyết định.

Các hợp đồng tín dụng đã được ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Agribank nơi cho vay và khách hàng vay thực hiện theo các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng đó;

Trường hợp trong thời gian hiệu lực của quy định này, các quy định liên quan của Nhà Nước có sự thay đổi dẫn đến việc áp dụng quy định này trái với

1. Ban Quản lý Agribank
2. Ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân đầu mối
3. Ban Khách hàng Doanh nghiệp
4. Ban Quản lý Công nghệ thông tin
5. Ban Quản lý Tài chính



quy định của Nhà nước thì Agribank thực hiện theo các quy định thay đổi của Nhà nước.

2. Ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân, Ban Khách hàng Doanh nghiệp, các đơn vị và cá nhân có liên quan thuộc Agribank chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 điều 10 (để thực hiện);
- Thống đốc NHNN (báo cáo);
- Cơ quan thanh tra, giám sát NH (b/cáo);
- Vụ Chính sách TT; Vụ Tín dụng (b/cáo);
- HĐTV, Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Các Ủy ban, Ban, Trung tâm tại TSC;
- VPDD, Đơn vị sự nghiệp;
- Sở GD, CN loại I, II;
- Lưu: VP, PC, BTK, HSX.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Ngọc Hành

HÀ
GH
TP
HÀ
NAM
TP